

KẾ HOẠCH
triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học
Năm học 2022 - 2023

Căn cứ Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ GDĐT về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2022 - 2023; Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của UBND Tỉnh về việc phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh lớp 6 phổ thông dân tộc nội trú và lớp 10 trung học phổ thông năm học 2022-2023 của các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND Tỉnh về việc phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh lớp 6 phổ thông dân tộc nội trú và lớp 10 trung học phổ thông năm học 2022 - 2023 của các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Thực hiện công văn số 1177/SGDĐT-GDPT ngày 02/5/2022 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn tuyển sinh vào lớp 6 THCS, lớp 10 THPT năm học 2022 - 2023; Công văn 1090/SGDĐT-GDPT ngày 22/4/2022 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022 - 2023;

Căn cứ Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 của UBND thành phố Uông Bí về việc phân vùng tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2022 - 2023;

Căn cứ thực tế về đội ngũ giáo viên, điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường trong năm học 2022- 2023,

Trường THPT Uông Bí xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thông tin đến các trường THCS thuộc địa bàn tuyển sinh của nhà trường, cha mẹ học sinh và học sinh về phương thức, môn thi, chỉ tiêu tuyển sinh; nội dung chương trình, đội ngũ giáo viên và dự kiến các tổ hợp môn lựa chọn, chuyên đề học tập, số lớp tương ứng đối với lớp 10 năm học 2022-2023 tại trường THPT Uông Bí;

- Giúp nhà trường, cha mẹ học sinh tư vấn, hỗ trợ con em trong việc lựa chọn tổ hợp môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp của bản thân khi đăng kí thi tuyển sinh và trúng tuyển vào trường.

2. Yêu cầu

- Kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023 phải được xây dựng trên thực tế đội ngũ giáo viên, quy định về khung chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn định hướng nghề nghiệp, bảo đảm sử dụng hiệu quả đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị của nhà trường và đáp ứng cao nhất nguyện vọng của học sinh;

- Kế hoạch được xây dựng cần có tính linh hoạt trong việc sử dụng kết quả đăng kí nguyện vọng lựa chọn tổ hợp các môn học của học sinh sau khi có kết quả trúng tuyển vào trường.

II. NỘI DUNG

1. Phương thức tuyển sinh và môn thi tuyển sinh

1.1. *Phương thức tuyển sinh:* Thi tuyển.

1.2. *Môn thi tuyển sinh:* Thí sinh thi 3 môn Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh theo quy chế thi của Sở GDĐT.

1.3. Lịch thi

Ngày	Buổi	Môn thi	Thời gian làm bài	Giờ bắt đầu làm bài
31/5/2022 (Thứ ba)	Chiều	Thí sinh làm thủ tục dự thi: Nhận Thẻ dự thi và đính chính các sai sót (nếu có)		
01/6/2022 (Thứ tư)	Sáng	Ngữ văn	120 phút	7 giờ 30
	Chiều	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	60 phút	14 giờ 30
02/6/2022 (Thứ năm)	Sáng	Toán	120 phút	7 giờ 30

2. Chỉ tiêu tuyển sinh và điều kiện trúng tuyển

2.1. *Chỉ tiêu tuyển sinh:* 10 lớp, 450 học sinh.

2.2. *Điều kiện trúng tuyển:* Thí sinh tham dự kì thi tuyển sinh và được Sở GDĐT xét duyệt trúng tuyển vào học tại Trường THPT Ưông Bí (*trừ thí sinh thuộc diện tuyển thẳng theo quy chế*).

3. Triển khai Chương trình giáo dục đối với lớp 10 năm học 2022 - 2023

3.1. Khảo sát đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

a. Năm học 2022-2023, nhà trường có tổng số 69 giáo viên. Trong đó:

TT	Môn	SL giáo viên	TT	Môn	SL giáo viên
1	Toán	10	9	Lịch sử	03
2	Ngữ văn	11	10	Địa lí	03
3	Tiếng Anh	07	11	GDCD	03
4	Vật lý	08	12	Thể dục	04
5	Hóa học	08	13	Quốc phòng	2 (01 Hợp đồng)
6	Sinh học	04	14	Nhạc	0
7	Tin học	04	15	Mỹ thuật	0
8	Công nghệ	2 (KT)			
Tổng số: 69 giáo viên (bao gồm 01 giáo viên hợp đồng)					

b. Cơ sở vật chất -thiết bị

Bảng phân tích thực trạng CSVC, TB&CN dạy học, giáo dục của trường THPT Ưông Bí thực hiện CTGDPT 2018

Nội dung		Tình trạng			
		Đáp ứng		Chưa đáp ứng	
		Đơn vị tính	Số lượng hiện có	Đơn vị tính	Số lượng cần bổ sung
Phòng học bộ môn	1. Phòng học Tiếng Anh	Phòng	0	Phòng	02
	2. Phòng học Tin học	Phòng	03		
	3. Phòng Lý, Hóa, Sinh	Phòng	06		
	4. Phòng học bộ môn Âm nhạc		0	Phòng	01
	5. Phòng học bộ môn Mỹ thuật		0	Phòng	01
	6. Phòng học bộ môn Công nghệ		0	Phòng	01
	7. Phòng học đa chức năng		01	Phòng	0
	8. Phòng học bộ môn Khoa học xã hội		0	Phòng	01
Điều kiện phục vụ hoạt động trải nghiệm, giáo dục thể chất...	1. Sân thể dục thể thao	Sân	01		
	2. Sân chơi	Sân	01		
	3. Điều kiện khác: Hồ bơi, phòng để dạy học STEM		0		02
Thiết bị dạy học	1. Bảng	Cái	40	Cái	
	2. Sách giáo khoa	Bộ	03		
	3. Điều kiện khác (TBDH tối thiểu/ lớp)	Bộ	0		Đã đăng ký
Điều kiện phục vụ sinh hoạt cá nhân	1. Nhà vệ sinh	Nhà	04 (24)		
	2. Nguồn nước sinh hoạt	Nguồn	02		
	3. Điều kiện khác		0		
Điều kiện hạ tầng kĩ	1. Internet		3		

thuật, công nghệ	2. Màn hình UDCNTT	phòng	35		
	3. Điều kiện khác				
Các điều kiện CSVC, TB&CN khác	Phòng học	Phòng	32	Phòn g	0
Bàn, ghế	Phòng học, phòng bộ môn	Bộ	Đủ		

- Đánh giá điều kiện CSVC: phòng học bộ môn chưa đủ để phục vụ dạy học và giáo dục theo CTGDPT 2018 vì còn thiếu Phòng học bộ môn Tiếng Anh, Tin học, Âm nhạc, Phòng học bộ môn Mỹ thuật, Phòng học bộ môn Công nghệ, Phòng học bộ môn Khoa học xã hội,

- Về điều kiện thiết bị dạy học, điều kiện hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin, công nghệ (Internet, phần mềm, ứng dụng...) để phục vụ dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo CTGDPT 2018 đối với nhà trường tương đối đảm bảo.

- Về điều kiện CSVC (sân chơi, bãi tập...) của trường cũng đáp ứng yêu cầu phục vụ hoạt động giáo dục thể chất, hoạt động trải nghiệm, nội dung giáo dục địa phương theo yêu cầu của CTGDPT 2018.

- Các vấn đề cần ưu tiên giải quyết trong quản trị CSVC, TB&CN của trường là phối hợp xây dựng phòng dạy học STEM, đầu tư thêm phòng nghe, nói, phòng âm nhạc, mỹ thuật và các môn thể thao tự chọn nhằm tăng cường hoạt động trải nghiệm, phát triển toàn diện cho học sinh về phẩm chất và năng lực theo yêu cầu.

Theo chỉ đạo của Sở Giáo dục nhà trường đã đăng ký mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 10, năm học 2022-2023 và kiến nghị với cấp trên nhu cầu trang bị thêm các phòng học bộ môn: Tiếng Anh, Công nghệ, phòng học KHXH, âm nhạc, mỹ thuật.

3.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giáo dục cấp THPT năm 2018

a. Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc: Gồm có:

- Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ 1; GD thể chất; GDQP và AN;
- Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp;
- Nội dung giáo dục của địa phương.

b. Các môn học lựa chọn: Gồm 3 nhóm môn:

- Nhóm môn khoa học xã hội: Lịch sử, Địa lí, GD kinh tế và pháp luật.
- Nhóm môn khoa học tự nhiên: Vật lí, Hoá học, Sinh học.
- Nhóm môn Công nghệ và Nghệ thuật: Công nghệ, Tin học, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật).

Học sinh được lựa chọn 5 môn học từ 3 nhóm môn học trên, mỗi nhóm chọn ít nhất 1 môn học.

c. Các chuyên đề học tập:

Chuyên đề học tập là nội dung giáo dục dành cho học sinh trung học phổ thông, nhằm thực hiện yêu cầu phân hoá sâu, giúp học sinh tăng cường kiến thức và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết một số vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp.

Thời lượng dành cho mỗi chuyên đề học tập là 10 tiết hoặc 15 tiết; tổng thời lượng dành cho cụm chuyên đề học tập của một môn học là 35 tiết/năm học. Ở mỗi lớp 10 học sinh chọn 3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của nhà trường.

Nhà trường lựa chọn, xây dựng các tổ hợp môn học từ 3 nhóm môn học và chuyên đề học tập nói trên để vừa đáp ứng nhu cầu của người học vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường.

d. Thời lượng giáo dục

Nội dung giáo dục		Số tiết/năm học/lớp
Môn học bắt buộc (5)	Ngữ văn	105
	Toán	105
	Ngoại ngữ 1	105
	Giáo dục thể chất	70
	GDQP và AN	35
Môn học lựa chọn (3 nhóm)		
Nhóm môn khoa học xã hội (3 môn)	Lịch sử	70
	Địa lí	70
	GD kinh tế và pháp luật	70
Nhóm môn khoa học tự nhiên (3 môn)	Vật lí	70
	Hoá học	70
	Sinh học	70
Nhóm môn công nghệ và nghệ thuật (4 môn)	Công nghệ	70
	Tin học	70
	Âm nhạc	70
	Mĩ thuật	70
Chuyên đề học tập lựa chọn (3 cụm chuyên đề)		105
Hoạt động GD bắt buộc	Hoạt động trải nghiệm, HN	105
Nội dung GD bắt buộc của địa phương		35
Môn học tự chọn		
Tiếng dân tộc thiểu số		105
Ngoại ngữ 2		105
Tổng số tiết học/năm học (trừ các môn học tự chọn)		1015
Số tiết học TB/tuần		29

3.3. Dự kiến các tổ hợp môn học lựa chọn và cụm chuyên đề học tập

Căn cứ số lớp, số lượng học sinh theo chỉ tiêu tuyển sinh;

Căn cứ số lượng giáo viên hiện có của các bộ môn, số tiết các môn học lựa chọn theo Chương trình GDPT 2018,

Trường THPT Ưông Bí dự kiến số lớp 10 năm học 2022-2023 theo tổ hợp các môn lựa chọn như sau:

TT	Tổ hợp môn lựa chọn	Số lớp	Số lượng HS tối đa	Chuyên đề học tập	Phương án xếp lớp
1	- Vật lí, Hóa học, Sinh học; - Lịch sử; - Tin học.	2	90	Toán, Lý, Hóa	- Nguyên vọng HS; - Điểm thi tuyển sinh môn Toán; - Tiêu chí phụ.
2	- Vật lí, Hóa học, Sinh học; - Địa lí; - Công nghệ.	2	90	Toán, Lý, Hóa	- Nguyên vọng HS; - Điểm thi tuyển sinh môn Toán; - Tiêu chí phụ.
3	- Vật lí, Hóa học; - Địa lí, GDKT&PL; - Công nghệ.	2	90	Toán, Hóa, Anh	- Nguyên vọng HS; - Điểm thi tuyển sinh môn Anh; - Tiêu chí phụ.
4	- Vật lí, Hóa học; - Lịch sử, GDKT&PL; - Tin học.	1	45	Toán, Lý, Anh	- Nguyên vọng HS; - Điểm thi tuyển sinh môn Anh; - Tiêu chí phụ.
5	- Lịch sử, Địa lí, GDKT&PL; - Vật lí; - Tin học.	2	90	Toán, Văn, Anh	- Nguyên vọng HS; - Điểm thi tuyển sinh môn Văn; - Tiêu chí phụ.
6	- Lịch sử, Địa lí, GDKT&PL; - Hóa học; - Công nghệ.	1	45	Toán, Văn, Anh	- Nguyên vọng HS; - Điểm thi tuyển sinh môn Văn; - Tiêu chí phụ.

***Tổng hợp:** Lý, Hóa: 08 lớp;

Sinh, Sử, Địa, GDKT&PL, Tin học: 06 lớp;

Công nghệ: 04 lớp;

Các môn: Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật): chưa có giáo viên.

3.4. Các môn Ngoại ngữ 1, môn học tự chọn, nội dung giáo dục địa phương và Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp:

a. Môn Ngoại ngữ 1: Dạy môn Tiếng Anh theo Chương trình GDPT 2018;

b. Môn học tự chọn: Ngoại ngữ 2, sau khi có kết quả khảo sát nhu cầu học sinh trúng tuyển vào trường năm học 2022-2023;

c. Nội dung giáo dục địa phương và Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp:

- Nội dung giáo dục địa phương: Sử dụng tài liệu, chương trình do Sở GDĐT Quảng Ninh chủ biên;

- Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: gồm các nội dung hoạt động được tổ chức trong và ngoài nhà trường với các hình thức hoạt động Sinh hoạt dưới cờ, Sinh hoạt lớp, Hoạt động giáo dục theo chủ đề và Hoạt động câu lạc bộ.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sau khi có danh sách trúng tuyển, nhà trường tổ chức cho học sinh đăng ký nguyện vọng chọn lớp theo tổ hợp các môn học lựa chọn. Mỗi học sinh được phép đăng ký nhiều nguyện vọng (tối đa là 06), sắp xếp theo thứ tự (NV1, NV2...NV6) tổ hợp môn lựa chọn.

Nếu tổ hợp có số lượng học sinh đăng ký ít hơn 35 thì nhà trường không tổ chức lớp học đó và học sinh sẽ phải học nguyện vọng ở nguyện vọng tiếp theo.

Nếu số lượng học sinh đăng ký cho tổ hợp lựa chọn vượt số lượng học sinh tối đa, nhà trường sử dụng phương án xếp lớp để xét. Học sinh không đáp ứng đủ điều kiện được chuyển xếp lớp theo nguyện vọng tiếp theo.

2. Nhà trường thực hiện cập nhật và tổng hợp số lượng nguyện vọng đăng ký ở từng tổ hợp môn lựa chọn để công khai việc xếp lớp với học sinh và cha mẹ học sinh;

3. Trường hợp học sinh có nguyện vọng chuyển đổi môn học lựa chọn, cụm chuyên đề học tập, Hiệu trưởng nhà trường xem xét quyết định và báo cáo Sở GDĐT ngay tuần học thứ hai của học kì 1.

Trên đây là kế hoạch thực hiện chương trình lớp 10 năm học 2022-2023 của trường THPT Uông Bí.

Kế hoạch có thể được điều chỉnh để phù hợp với văn bản chỉ đạo và thực tiễn nhà trường.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (B/c);
- Phòng GDĐTUB (p/hợp);
- Lưu VT.

